

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng N; ĐKTT: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C; cư trú tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ anh Phạm Văn C ở thôn A, xã A. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp để khắc phục nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cũng từ tháng 3 năm 2021, chị Phạm Hồng N đã bỏ đi nơi khác sống ly thân với anh Phạm Văn C; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Phạm Hồng N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Hồng N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn C, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Văn C đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Phạm Văn C trước yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Hồng N được ly hôn với anh Phạm Văn C; về con chung: Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C không có con chung; về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, anh Phạm Văn C cư trú tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện A có thẩm quyền giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Phạm Văn C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 3 năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Hồng N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

[3] Về con chung: Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C không có con chung.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Hồng N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Văn C không có con chung

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Phạm Hồng N đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0013065 ngày 17 tháng 3 năm 2021) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch